

Số: 04 /KH-TLĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2016



KẾ HOẠCH
Triển khai “Năm phát triển đoàn viên”

Thực hiện Chương trình phát triển đoàn viên, giai đoạn 2013-2018 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (khoá XI); Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về việc lấy năm 2016 là “*Năm phát triển đoàn viên*”, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn xây dựng Kế hoạch triển khai “*Năm phát triển đoàn viên*” như sau:

I/ MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ, tạo bước đột phá trong công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, phấn đấu đạt chỉ tiêu đến năm 2018 có 10 triệu đoàn viên và có 90% số doanh nghiệp có từ 30 lao động trở lên thành lập được tổ chức công đoàn, đã được Đại hội XI Công đoàn Việt Nam thông qua.

- Gắn phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS với thương lượng tập thể và đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của CĐCS, tập trung thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

2. Yêu cầu

- Xây dựng nội dung nhiệm vụ triển khai “*Năm phát triển đoàn viên*” cần có chỉ tiêu cụ thể, bám sát mục tiêu của Chương trình phát triển đoàn viên giai đoạn 2013 - 2018 và Nghị quyết số 6a/NQ-TLĐ ngày 06/01/2011 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (khóa X).

- Các cấp công đoàn ưu tiên thực hiện nhiệm vụ phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, xác định các giải pháp cụ thể, phân công rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cá nhân và có hình thức khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc khi tổng kết “*Năm phát triển đoàn viên*”.

II/ NỘI DUNG

1. Chỉ tiêu phát triển đoàn viên năm 2016

1.1. Về phát triển đoàn viên: Trong năm 2016, cả nước **tăng thêm ít nhất 600.000** đoàn viên.

1.2. Về thành lập CĐCS: Thành lập CĐCS ở **90%** trở lên số doanh nghiệp đã đi vào hoạt động có sử dụng từ 30 lao động trở lên. Riêng đối với các khu công nghiệp, phấn đấu thành lập CĐCS ở 100% doanh nghiệp đã đi vào hoạt động có sử dụng từ 30 lao động trở lên.

2. Các giải pháp chủ yếu

2.1. Tập trung phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS ở những doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn; tăng tỷ lệ đoàn viên trên tổng số công nhân lao động ở những nơi đã thành lập công đoàn. Lấy địa bàn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao và những nơi có nhiều doanh nghiệp làm trọng điểm.

2.2. Đa dạng hóa phương thức vận động phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, gắn với thương lượng tập thể và nâng cao chất lượng thỏa ước lao động tập thể. Tích cực triển khai phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS theo phương pháp mới.

2.3. Tăng cường đầu tư các nguồn lực (cán bộ và tài chính) cho công tác phát triển đoàn viên và thành lập CĐCS, trong đó cần có giải pháp cụ thể về tài chính đảm bảo đủ kinh phí cho công tác phát triển đoàn viên và thành lập CĐCS.

2.4. Bố trí cán bộ chuyên trách chuyên làm công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS ở cơ quan công đoàn cấp tỉnh, ngành TW và tương đương, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở. Đồng thời tập trung bồi dưỡng tập huấn về kỹ năng phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS và có chính sách khuyến khích đối với những người chuyên làm công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

2.5. Các cấp công đoàn xác định những nhiệm vụ trọng tâm để ưu tiên thực hiện, đồng thời hướng dẫn cấp CĐCS từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS, trước mắt tập trung đổi mới một số nội dung nhiệm vụ như sau:

- Tập trung triển khai các hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, giảm bớt những hoạt động không có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

- Rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức của CĐCS theo hướng tinh gọn, những CĐCS thành viên, công đoàn bộ phận không phát huy hiệu quả thì chủ động sắp xếp lại theo cơ cấu tổ chức CĐCS trực tiếp chỉ đạo đến tổ công đoàn, đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ công đoàn, trong đó chú trọng tập huấn kỹ năng hoạt động đối với tổ trưởng công đoàn.

- Đổi mới cách thức xây dựng, thương lượng thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT), huy động sự tham gia tích cực, thực chất của người lao động trong quá trình xây dựng nội dung, quá trình thương lượng, đảm bảo TULĐTT được ký kết có nhiều nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

- Xây dựng cơ chế đối thoại thường xuyên giữa ban chấp hành công đoàn cơ sở với người sử dụng lao động để kịp thời giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động tại nơi làm việc.

III/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Tổng Liên đoàn

1.1. Triển khai, đôn đốc và hỗ trợ các cấp công đoàn thực hiện “Năm phát triển đoàn viên”:

a. Giao chỉ tiêu phát triển đoàn viên năm 2016

Căn cứ vào kết quả phát triển đoàn viên bình quân trong 3 năm (năm 2013, 2014 và 2015) và căn cứ số lượng công nhân lao động chưa là đoàn viên công đoàn theo báo cáo của các đơn vị đến tháng 12/2015, có quyết định giao chỉ tiêu phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS đối với từng đơn vị, trong đó:

- Đối với các LĐLĐ tỉnh, thành phố giao chỉ tiêu phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS theo nội dung Mục II.1 Kế hoạch này.

- Đối với các công đoàn ngành Trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn giao chỉ tiêu *kết nạp mới* đoàn viên công đoàn.

b. Theo dõi, đôn đốc, cập nhật số liệu phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS định kỳ 6 tháng, cả năm để báo cáo Đoàn Chủ tịch, Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn.

c. Tổ chức kiểm tra, nắm tình hình, ban các biện pháp cụ thể để thực hiện Chương trình phát triển đoàn viên ở một số LĐLĐ tỉnh, thành phố được giao chỉ tiêu cao hoặc gặp nhiều khó khăn trong thực hiện phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

d. Tổng hợp tình hình thực hiện “*Năm phát triển đoàn viên*” báo cáo Ban Chấp hành tại Hội nghị lần thứ 8 và Hội nghị lần thứ 9 (năm 2016).

đ. Tổng hợp danh sách cán bộ công đoàn chuyên trách chuyên làm công tác phát triển đoàn viên; Xây dựng kế hoạch tập huấn về phát triển đoàn viên theo phương pháp mới và bồi dưỡng kỹ năng đối với số cán bộ công đoàn chuyên trách nêu trên.

e. Hỗ trợ Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam và các tài liệu tuyên truyền phát triển đoàn viên đối với các LĐLĐ tỉnh, thành phố.

g. Hướng dẫn, hỗ trợ các cấp công đoàn triển khai các hoạt động liên quan đến công tác tổ chức.

Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn chủ trì tham mưu, đề xuất trình Thường trực Đoàn Chủ tịch xem xét quyết định trong Quý I/2016 và tổ chức thực hiện các nội dung mục III.1.1 Kế hoạch này.

1.2. Hướng dẫn các cấp công đoàn đổi mới cách thức thương lượng tập thể theo hướng có sự tham gia tích cực, thực chất của người lao động trong quá trình đề xuất nội dung, tiến hành thương lượng tập thể, đảm bảo TULĐTT có nhiều nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật; Xác định chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ các doanh nghiệp có TULĐTT đảm bảo chất lượng, giao chỉ

tiêu cho từng đơn vị; Rà soát các doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn đã thực hiện thí điểm ký thỏa ước lao động tập thể bàn giao cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có trách nhiệm phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

Ban Quan hệ lao động Tổng Liên đoàn chủ trì tham mưu, đề xuất trình Thường trực Đoàn Chủ tịch xem xét quyết định trong Quý I/2016 và tổ chức thực hiện các nội dung mục III.1.2 Kế hoạch này.

1.3. Hướng dẫn các cấp công đoàn đảm bảo kinh phí chi cho công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, trong đó có quy định cụ thể về định mức chi, nội dung chi; Nghiên cứu, đề xuất mức chi và nguồn chi khen thưởng đối với công tác phát triển đoàn viên năm 2016; Hướng dẫn các LĐLĐ tỉnh, thành phố rà soát, lập danh sách các doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn, đã đóng kinh phí công đoàn, giao cho các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

Ban Tài chính Tổng Liên đoàn chủ trì tham mưu, đề xuất trình Thường trực Đoàn Chủ tịch xem xét quyết định trong Quý I/2016 và tổ chức thực hiện các nội dung mục III.1.3 Kế hoạch này.

1.4. Hướng dẫn các cấp công đoàn đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS; Phối hợp với Báo Lao động, Đài truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Thông tấn xã Việt Nam tuyên truyền các mô hình, cách làm tiêu biểu.

Ban Tuyên giáo Tổng Liên đoàn chủ trì tham mưu, đề xuất trình Thường trực Đoàn Chủ tịch xem xét quyết định trong Quý I/2016 và tổ chức thực hiện các nội dung mục III.1.4 Kế hoạch này.

1.5. Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện để khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc thực hiện năm phát triển đoàn viên.

Ban Chính sách KT-XH và Thi đua - Khen thưởng Tổng Liên đoàn chủ trì tham mưu, đề xuất trình Thường trực Đoàn Chủ tịch xem xét quyết định trong Quý I/2016 và tổ chức thực hiện các nội dung mục III.1.5 Kế hoạch này.

1.6. Tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ công đoàn các cấp về kỹ năng phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn và hoạt động công đoàn trong nền kinh tế thị trường.

Ban Đối ngoại Tổng Liên đoàn chủ trì tham mưu, đề xuất trình Thường trực Đoàn Chủ tịch xem xét quyết định trong Quý I/2016 và tổ chức thực hiện các nội dung mục III.1.6 Kế hoạch này.

1.7. Các đồng chí Ủy viên Đoàn Chủ tịch TLD có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn

tổng công ty trực thuộc TLD được phân công phụ trách, hoàn thành chỉ tiêu phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS năm 2016.

Giao Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển đoàn viên của Tổng Liên đoàn làm đầu mối hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp công đoàn, các ban có liên quan của Tổng Liên đoàn triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Đối với LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn

Xây dựng kế hoạch và phân công cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức và các cấp công đoàn trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

2.1. Cập nhật, nắm chắc tình hình doanh nghiệp, phân loại doanh nghiệp theo quy mô lao động, xác định kế hoạch phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

2.2. Căn cứ chỉ tiêu được giao của năm 2016 để tổ chức thực hiện, quyết liệt chỉ đạo, hỗ trợ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thực hiện; phân công rõ trách nhiệm đối với các ủy viên ban thường vụ phụ trách đầu mối công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phân đầu trong năm 2016 hoàn thành chỉ tiêu được giao.

2.3. Bố trí và lập danh sách cán bộ chuyên trách chuyên làm công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS ở cơ quan công đoàn cấp tỉnh, ngành TW và tương đương, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, báo cáo danh sách về Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn (qua Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn) trong tháng 02/2016. Trong đó, ưu tiên bố trí cán bộ có năng lực, kinh nghiệm cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi có nhiều khu công nghiệp, tập trung đông công nhân lao động. Đồng thời tập trung bồi dưỡng tập huấn về kỹ năng phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS và có chính sách khuyến khích đối với số cán bộ chuyên trách nêu trên.

2.4. Ưu tiên, tăng cường cán bộ có năng lực, kinh nghiệm cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi có nhiều khu công nghiệp, tập trung đông công nhân lao động, để đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS và hướng dẫn CĐCS hoạt động.

2.5. Tập trung kinh phí cho công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS và đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ công đoàn về kỹ năng phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

2.6. Chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đổi mới, đa dạng hoá phương thức phát triển đoàn viên theo hướng có sự tham gia tích cực của người lao động vào quá trình vận động thành lập CĐCS. Hướng dẫn CĐCS đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; nâng cao vai trò, trách nhiệm của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trong việc đại diện cho người lao động ở những nơi chưa có tổ chức công đoàn.

2.7. Tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự hỗ trợ của chính quyền các cấp cho công tác vận động phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

2.8. Hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện “Năm phát triển đoàn viên”; thực hiện thống kê, báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện “Năm phát triển đoàn viên” và báo cáo về Tổng Liên đoàn trước các Hội nghị Ban Chấp hành TLD (trong tháng 6 và tháng 11/2016).

3. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

3.1. Tích cực khảo sát, nắm chắc tình hình phát triển doanh nghiệp, công nhân lao động trên địa bàn và theo ngành, nghề; xây dựng kế hoạch phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS theo chỉ tiêu được công đoàn cấp trên giao.

3.2. Hướng dẫn, hỗ trợ người lao động trong các doanh nghiệp chưa có công đoàn tập hợp CNLD và thành lập CĐCS theo cách tiếp cận từ dưới lên trên nhằm giảm bớt sự can thiệp và phụ thuộc từ phía người sử dụng lao động, gắn phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS với thương lượng tập thể.

3.3. Tranh thủ sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, hỗ trợ của chính quyền, tạo nguồn lực cho việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Chương trình Phát triển đoàn viên trong năm 2016.

3.4. Tăng cường hướng dẫn, tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động công đoàn.

3.5. Thực hiện bổ sung, tăng cường cán bộ công đoàn đến các đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp, để tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập công đoàn; hướng dẫn người lao động tổ chức ban vận động thành lập CĐCS; thẩm định, công nhận việc gia nhập công đoàn của người lao động và công nhận việc thành lập CĐCS theo quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

3.6. Tập trung kinh phí cho công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS; xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ phát triển đoàn viên cho cán bộ CĐCS.

3.7. Thực hiện quản lý đoàn viên và CĐCS; gắn việc sơ, tổng kết thực hiện Chương trình vào các dịp sơ, tổng kết hoạt động công đoàn để đánh giá kết quả và bổ sung các giải pháp thực hiện; định kỳ báo cáo công đoàn cấp trên theo quy định.

4. Đối với công đoàn cơ sở

Chủ động, tích cực đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của CĐCS theo các nội dung chính sau:

4.1. Nắm chắc số lao động làm việc trong đơn vị, doanh nghiệp, nhất là số lao động mới tuyển dụng; tích cực, chủ động thực hiện kế hoạch phát triển đoàn viên công đoàn. Những CĐCS đông công nhân lao động, giao chỉ tiêu cho CĐCS thành viên, công đoàn bộ phận (nếu có) và tổ công đoàn.

4.2. Rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp; những CĐCS thành viên, công đoàn bộ phận không phát huy hiệu quả thì chủ động sắp xếp lại theo cơ cấu tổ chức CĐCS trực tiếp chỉ đạo đến tổ

công đoàn, đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ công đoàn, trong đó chú trọng tập huấn kỹ năng hoạt động đối với tổ trưởng công đoàn.

4.3. Xác định những nhiệm vụ trọng tâm để ưu tiên thực hiện: tập trung triển khai các hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, làm cơ sở thuyết phục người lao động chưa là đoàn viên tham gia tổ chức công đoàn. Giảm bớt những hoạt động không có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

4.4. Đổi mới quy trình, cách thức xây dựng, thương lượng TULĐTT theo hướng có sự tham gia tích cực, thực chất của người lao động trong quá trình xây dựng nội dung, tiến hành thương lượng TULĐTT, đảm bảo TULĐTT có những điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

4.5. Xây dựng cơ chế đối thoại thường xuyên giữa ban chấp hành công đoàn cơ sở với người sử dụng lao động để kịp thời giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động tại nơi làm việc.

4.6. Lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của đoàn viên để sớm giải quyết những vướng mắc phát sinh; kịp thời báo cáo, phản ánh với công đoàn cấp trên các vấn đề bức xúc, khó xử lý trong quan hệ lao động để có các giải pháp hỗ trợ.

4.7. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đoàn viên, xây dựng sổ đoàn viên, cấp thẻ đoàn viên và hướng dẫn quản lý, sử dụng có hiệu quả thẻ đoàn viên công đoàn. Định kỳ thống kê, báo cáo công đoàn cấp trên về công tác tổ chức, đoàn viên và hoạt động của CĐCS theo quy định. ✓

Nơi nhận:

- Các LĐLĐ tỉnh, thành phố;
- Các CĐ ngành TW và tương đương;
- Các CĐ TCTy trực thuộc TLĐ;
- Các Thành viên BCD, Tổ giúp việc BCD TLĐ;
- Thường trực ĐCT (báo cáo)
- Lưu VP, ToC TLĐ.



Trần Văn Lý

BẢNG GIAO CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN NĂM 2016
ĐỐI VỚI CÁC LĐLĐ TỈNH, THÀNH PHỐ

TT	Đơn vị	Số lượng đoàn viên tại thời điểm 31/12/2012	Thực hiện KH 2013-2015							Số lượng tăng thêm bình quân 3 năm	Số lượng đoàn viên thời điểm 30/11/15	Số lượng CNVCLĐ thời điểm 30/11/15	Số CNLĐ chưa là đoàn viên thời điểm 30/11/15	Giao chỉ tiêu PTĐV 2016		
			Tổng số ĐV tăng thêm từ 2013 - 2015	Chia ra			Giao theo công thức (Cột 11 x 50%)	Giao có điều chỉnh theo Cột 8								
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015		Tỷ lệ % theo Cột 11	Số lượng							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=(4/3))	(9)	(10)	(11=10-9)	(12=1x50%)	(13)	(14)			
1	An Giang	79817	3564	1100	1682	782	1188	83381	98124	14743	7372	34	5000			
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	92282	13495	4196	4171	5128	4498	105777	122156	16379	8190	49	8000			
3	Bạc Liêu	26530	1539	-394	615	1318	513	28069	31455	3386	1693	44	1500			
4	Bắc Kạn	18565	1104	256	351	497	368	19669	21687	2018	1009	25	500			
5	Bắc Giang	103986	15869	3100	5832	6937	5290	119855	132424	12569	6285	64	8000			
6	Bắc Ninh	87326	39389	7493	8922	22974	13130	126715	210151	83436	41718	36	30000			
7	Bến Tre	59284	13063	5873	3902	3288	4354	72347	83458	11111	5556	45	5000			
8	Bình Dương	495591	116409	22738	32613	61058	38803	612000	950000	338000	169000	18	60000			
9	Bình Định	75975	3726	241	1438	2047	1242	79701	108293	28592	14296	10	3000			
10	Bình Phước	50491	21205	5698	4111	11396	7068	71696	78722	7026	3513	100	7000			
11	Bình Thuận	59444	9593	1975	3638	3980	3198	69037	77895	8858	4429	45	4000			
12	Cà Mau	47082	5678	2670	1508	1500	1893	52760	59304	6544	3272	46	3000			
13	Cao Bằng	31193	-908	-909	1017	-1016	-303	30285	31819	1534	767	33	500			
14	Cần Thơ	73600	16088	5991	5402	4695	5363	89688	107130	17442	8721	52	9000			
15	Dà Nẵng	97031	10609	6433	6426	-2250	3536	107640	120433	12793	6397	47	6000			
16	Đắk Lắk	72346	4126	1986	988	1152	1375	76472	82493	6021	3011	50	3000			
17	Đắk Nông	21996	2959	4522	-1791	228	986	24955	28022	3067	1534	33	1000			
18	Đồng Nai	436132	129175	38572	45914	44689	43058	565307	621066	55759	27880	81	45000			
19	Đồng Tháp	63543	4890	1160	2109	1621	1630	68433	82613	14180	7090	35	5000			
20	Điện Biên	30304	2105	825	902	378	702	32409	35139	2730	1365	37	1000			
21	Gia Lai	50729	5891	2908	1945	1038	1964	56620	65105	8485	4243	35	3000			
22	Hà Giang	38500	2718	1620	836	262	906	41218	49250	8032	4016	12	1000			

TT	Đơn vị	Số lượng đoàn viên tại thời điểm 31/12/2012	Thực hiện KH 2013-2015							Số lượng đoàn viên thời điểm 30/11/15	Số lượng CNVCLĐ thời điểm 30/11/15	Số CNLĐ chưa là đoàn viên thời điểm 30/11/15	Giao chủ tiêu PTĐV 2016		
			Tổng số ĐV tăng thêm từ 2013 - 2015	Chia ra			Số lượng tăng thêm bình quân 3 năm	Giao theo công thức (Cột 11 x 50%)	Giao có điều chỉnh theo Cột 8						
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015			Tỷ lệ % theo Cột 11				Số lượng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4/3)	(9)	(10)	(11=10.9)	(12=11x50%)	(13)	(14)		
23	Hà Nam	47014	10182	1801	1172	7209	3394	57196	70651	13455	6728	45	6000		
24	Hà Nội	445070	54018	23427	16339	14252	18006	499088	666688	167600	83800	36	60000		
25	Hà Tĩnh	61162	3964	135	284	3545	1321	65126	84255	19129	9565	37	7000		
26	Hải Dương	147474	19844	7126	4286	8432	6615	167318	261145	93827	46914	32	30000		
27	Hải Phòng	174095	21334	6759	8946	5629	7111	195429	231618	36189	18095	55	20000		
28	Hoà Bình	48272	7402	248	3413	3741	2467	55674	59232	3558	1779	56	2000		
29	TP Hồ Chí Minh	1024594	156831	45967	66638	44226	52277	1181425	1426507	245082	122541	29	70000		
30	Hưng Yên	85366	24102	8698	7117	8287	8034	109468	156023	46555	23278	43	20000		
31	Hậu Giang	26357	8382	2607	3092	2683	2794	34739	47146	12407	6204	48	6000		
32	Khánh Hoà	75941	9154	3151	4030	1973	3051	85095	101073	15978	7989	50	8000		
33	Kiên Giang	56857	4602	4131	212	259	1534	61459	66643	5184	2592	48	2500		
34	Kon Tum	25818	1600	1100	623	-123	533	27418	35865	8447	4224	12	1000		
35	Lai Châu	25377	701	640	-954	1015	234	26078	26640	562	281	53	300		
36	Lạng Sơn	37185	5716	4400	973	343	1905	42901	47338	4437	2219	45	2000		
37	Lào Cai	41948	3763	821	1102	1840	1254	45711	48636	2925	1463	51	1500		
38	Lâm Đồng	58053	6063	2501	847	2715	2021	64116	69401	5285	2643	47	2500		
39	Long An	141105	36558	17378	10467	8713	12186	177663	197811	20148	10074	74	15000		
40	Nam Định	85904	4463	-803	1303	3963	1488	90367	113912	23545	11773	42	10000		
41	Nghệ An	127185	14525	2914	4499	7112	4842	141710	159828	18118	9059	50	9000		
42	Ninh Bình	51516	12822	5519	5581	1722	4274	64338	77550	13212	6606	45	6000		
43	Ninh Thuận	26846	1822	36	1023	763	607	28668	32073	3405	1703	29	1000		
44	Phủ Thọ	88096	8051	2571	1019	4461	2684	96147	108136	11989	5995	58	7000		
45	Phủ Yên	43841	-1077	-1399	-249	571	-359	42764	55039	12275	6138	49	6000		
46	Quảng Bình	42564	4750	872	3028	850	1583	47314	51051	3737	1869	40	1500		
47	Quảng Nam	82409	21833	4543	8725	8565	7278	104242	130424	26182	13091	50	13000		

TT	Đơn vị	Số lượng đoàn viên tại thời điểm 31/12/2012	Thực hiện KH 2013-2015					Số lượng tăng thêm bình quân 3 năm	Số lượng đoàn viên thời điểm 30/11/15	Số lượng CNVCLĐ thời điểm 30/11/15	Số CNLĐ chưa là đoàn viên thời điểm 30/11/15	Giao chi tiêu PTDV 2016		
			Tổng số ĐV tăng thêm từ 2013 - 2015	Chia ra			Giao theo công thức (Cột 11 x 50%)					Giao có điều chỉnh theo Cột 8		
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015						Tỷ lệ % theo Cột 11	Số lượng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8-4/3)	(9)	(10)	(11-10-9)	(12=11x50%)	(13)	(14)	
48	Quảng Ngãi	52865	12052	5510	1798	4744	4017	64917	74269	9352	4676	48	4500	
49	Quảng Ninh	102641	2379	3917	461	-1999	793	105020	108336	3316	1658	90	3000	
50	Quảng Trị	35036	327	199	-227	355	109	35363	50272	14909	7455	20	3000	
51	Sóc Trăng	44205	8397	1727	3472	3198	2799	52602	53527	925	463	108	1000	
52	Sơn La	51152	1983	1264	436	283	661	53135	56740	3605	1803	42	1500	
53	Tây Ninh	95552	44523	15730	12598	16195	14841	140075	161648	21573	10787	51	11000	
54	Thái Bình	76190	19296	5510	9878	3908	6432	95486	115911	20425	10213	49	10000	
55	Thái Nguyên	54723	28007	3920	7519	16568	9336	82730	161576	78846	39423	38	30000	
56	Thanh Hoá	174184	23689	5881	8808	9000	7896	197873	267500	69627	34814	22	15000	
57	Thừa Thiên-Huế	65851	4563	2466	487	1610	1521	70471	112488	42017	21009	17	7000	
58	Tiền Giang	102970	10025	5102	1605	3318	3342	112995	125795	12800	6400	47	6000	
59	Trà Vinh	47938	7638	-1087	4051	4674	2546	55576	70040	14464	7232	45	6500	
60	Tuyên Quang	35380	2365	534	977	854	788	37745	44483	6738	3369	30	2000	
61	Vĩnh Long	56651	6394	933	318	5143	2131	63045	63654	609	305	164	1000	
62	Vĩnh Phúc	80291	12225	3026	1465	7734	4075	92516	99392	6876	3438	102	7000	
63	Yên Bái	38804	478	-20	618	-120	159	39282	40894	1612	806	50	800	
Tổng cộng:		6296229	1048033	317809	340311	389913	349344	7344319	9127949	1783630	891815	35	626100	

**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN NĂM 2016
ĐỐI VỚI CÔNG ĐOÀN NGÀNH TW VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CĐ TỔNG CÔNG**

TT	Đơn vị	Theo dõi số liệu về đoàn viên Công đoàn			Chỉ tiêu giao PTĐV năm 2016 (tính theo số ĐV mới kết nạp)
		Số lượng đoàn viên tại thời điểm 31/12/2012	Số lượng đoàn viên tăng, giảm thực tế so với 31/12/12	Số lượng đoàn viên mới kết nạp bình quân từ 2013-2015	
1	T.tin và T.thông	88700	-11106	83	2000
2	Cao su	102266	-16985	4008	5000
3	Công an	14510	4719	1573	2500
4	C.nghiệp Tàu thủy	27364	-12319	612	500
5	Công Thương	173691	-9850	2015	3000
6	Dầu khí	61991	1363	3580	5000
7	Dệt May	99328	18841	15282	10000
8	Điện lực	102471	4544	3557	5000
9	Đường sắt	38429	-4568	1091	1500
10	Giao thông-Vận tải	85002	-9814	2287	3500
11	Giáo dục	37814	2135	1638	2500
12	Hàng hải	26392	-1891	183	1000
13	Hàng không	18265	2738	166	1000
14	Ngân hàng	124078	19233	5090	5000
15	N.nghiệp và PTNT	93258	-19502	2326	3000
16	Quốc phòng	167211	17207	3075	3000
17	Than-Khoáng sản	131604	-11395	0	5000
18	Viên chức	81009	-979	1133	500
19	Xây dựng	141751	-21931	7517	10000
20	Y tế	35147	3924	2080	3000
Tổng cộng:		1650281	-45636	57296	72000